

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 332/2019/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019, về việc “ Ly hôn ” giữa:

Nguyên đơn: ông Lê Văn S; sinh năm 1964

Bị đơn: bà Nguyễn Thị N; sinh năm 1975

Cùng địa chỉ: thôn 1, xã A, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ vào các Điều 212 và 213 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81 và 82 của Luật hôn nhân & Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 29 tháng 8 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 29 tháng 8 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn S.

2.Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a.Về con chung: Các đương sự xác định có 01 con chung là cháu Lê Quang T sinh năm 2001. Các đương sự thống nhất thỏa thuận: ông Lê Văn S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Quang T sinh ngày 19/11/2001, cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; bà Nguyễn Thị N có quyền thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo qui định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì

người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

b. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

c. Về nợ chung: không có.

d. Về án phí: ông S nhận nộp 150.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông S đã nộp trước là 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0009630 ngày 05/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

T hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ;
- Các đương sự;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán

Lưu Thùy Linh